

Số: 59 /2026/NQ-HĐND

An Giang, ngày 22 tháng 9 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức chi hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ trong và ngoài nước đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh An Giang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 75/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 832/TTr-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ trong và ngoài nước đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh An Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hoá - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ trong và ngoài nước đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định mức chi hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ trong và ngoài nước đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 75/2021/TT-BTC quy định về quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc tổ chức triển khai, quản lý và thực hiện chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này.

b) Tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh An Giang thực hiện đăng ký bảo hộ sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu; đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 2. Nguyên tắc và điều kiện hỗ trợ**1. Nguyên tắc hỗ trợ**

a) Hỗ trợ đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, bình đẳng, không trùng lặp đối với cùng một nội dung hỗ trợ.

b) Trường hợp một đối tượng được hỗ trợ của nhiều chính sách về hỗ trợ bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ thì tổ chức, cá nhân chỉ được hưởng một chính sách hỗ trợ và được lựa chọn chính sách có mức hỗ trợ cao nhất.

2. Điều kiện hỗ trợ

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ phải là chủ đơn hoặc chủ văn bằng bảo hộ đối với đăng ký bảo hộ sáng chế; đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới; đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

b) Đối với đăng ký bảo hộ trong nước: Đơn đăng ký bảo hộ sáng chế hoặc đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới được chấp nhận hợp lệ; đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu đã được cấp văn bằng bảo hộ.

c) Đối với đăng ký bảo hộ ở nước ngoài: Đơn đăng ký được chấp nhận hợp lệ, các văn bản tương ứng theo quy định của tổ chức quốc tế hoặc quốc gia nộp đơn.

Điều 3. Mức chi hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ ở trong và ngoài nước

1. Mức hỗ trợ đối với đăng ký bảo hộ trong nước
 - a) Đối với đơn đăng ký bảo hộ sáng chế: 30 triệu đồng/đơn.
 - b) Đối với đơn đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới: 30 triệu đồng/đơn.
 - c) Đối với đơn đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp: 15 triệu đồng/văn bằng bảo hộ.
 - d) Đối với đơn đăng ký bảo hộ nhãn hiệu: 15 triệu đồng/văn bằng bảo hộ nhưng không quá 45 triệu đồng/năm đối với cùng 01 (một) tổ chức, cá nhân.

2. Mức hỗ trợ đối với đăng ký bảo hộ ở nước ngoài

Đăng ký bảo hộ ở nước ngoài đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu; đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới: 60 triệu đồng/đơn.

3. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 75/2021/TT-BTC.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn ngân sách Nhà nước được bố trí trong dự toán kinh phí chi sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh An Giang hằng năm.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 02 tháng 10 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

2. Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định mức chi hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ trong và ngoài nước đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa XI, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 22 tháng 9 năm 2026. *uuu*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Khoa học và Công nghệ, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh An Giang;
- Trang thông tin điện tử Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Phòng Công tác HĐND;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Trần Thị Thanh Hương